

Số: 273/BC-SNN

Bắc Giang, ngày 11 tháng 6 năm 2019

## BÁO CÁO

**Sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014  
của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với  
việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản**

Thực hiện Công văn số 214/TTr-NV.V ngày 06/6/2019 của Thanh tra tỉnh về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản;

Sở Nông nghiệp và PTNT báo cáo kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

### **I. Đặc điểm, tình hình**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về: nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phát triển nông thôn; phòng, chống thiên tai; chất lượng an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản; về các dịch vụ công thuộc ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh;

Hiện tại, số lượng các phòng, chi cục và đơn vị trực thuộc Sở, tổng số gồm 23 đầu mối, cụ thể như sau:

Các phòng chuyên môn thuộc Sở có 06 phòng, gồm: Văn phòng Sở, Phòng Tổ chức cán bộ, Thanh tra Sở, Phòng Quản lý xây dựng công trình, Phòng Kế hoạch - Tài chính và Phòng Kỹ thuật - Tổng hợp;

Các chi cục quản lý nhà nước có 07 chi cục, gồm: Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Thủy lợi, Chi cục Thủy sản, Chi cục Quản lý chất lượng Nông, lâm sản và Thủy sản;

Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở có 10 đơn vị, gồm: Văn phòng Điều phối nông thôn mới, Ban quản lý bảo tồn Tây Yên Tử, Ban quản lý rừng phòng hộ Sơn Động, Ban quản lý rừng phòng hộ Cẩm Sơn, Trung tâm nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Trung tâm Khuyến nông, Trung tâm Giống thủy sản cấp I, Trung tâm Giống nầm, Trung tâm Điều tra Quy hoạch nông - lâm nghiệp, Trung tâm Giống cây trồng.

## **II. Công tác chỉ đạo và kết quả thực hiện việc kê khai, công khai, kiểm tra, xác minh bản kê khai tài sản và xử lý vi phạm theo quy định**

### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Đảng ủy Sở chỉ đạo các chi bộ, cấp ủy trực thuộc tổ chức quán triệt và tuyên truyền Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17-7-2013 của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức để thực hiện nghiêm túc việc kê khai và kiểm soát kê khai tài sản.

Chỉ đạo thường xuyên phối hợp với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đơn đốc chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện, phát huy tính tự giác, trung thực và ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra việc thực hiện các quy định về kê khai và kiểm soát kê khai tài sản.

Lãnh đạo Sở chỉ đạo các phòng, chi cục, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 33-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; các quy định của Nhà nước, UBND tỉnh về thực hiện việc kê khai tài sản đảm bảo đúng thời gian, đầy đủ nội dung và đúng đối tượng

Chỉ đạo thực hiện đồng bộ, nhất quán, chặt chẽ, theo đúng quy định đối với công tác kê khai và kiểm soát kê khai tài sản; do đó, Sở đã kiểm soát được tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức nhằm ngăn chặn, phòng ngừa, phát hiện các hành vi tham nhũng.

Chỉ đạo các phòng, chi cục, đơn vị thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập theo đúng trình tự, quy định: Công khai bằng hình thức niêm yết hoặc công khai bằng hình thức công bố tại cuộc họp; địa điểm công tại các cơ quan, đơn vị để tạo điều kiện cho mọi người thuận lợi trong việc tiếp cận, tìm hiểu.

Công tác chỉ đạo kiểm tra xác minh và yêu cầu cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thuộc diện quản lý, giải trình trong việc kê khai tài sản, thu nhập được Sở thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

### **2. Kết quả thực hiện**

#### **2.1. Kết quả kê khai tài sản**

Việc kê khai và công khai bản kê khai tài sản được các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17-7-2013 của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP, ngày 31-10-2013 của Thanh tra Chính phủ về minh bạch tài sản, thu nhập, cụ thể:

- Năm 2014:

+ Tổng số cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai: 20/20 đơn vị;

- + Tổng số người phải kê khai: 343 người;
- + Tổng số người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý: 6 người chiếm 1,75%.
- Năm 2015:
- + Tổng số cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai: 20/20 đơn vị;
- + Tổng số người phải kê khai: 328 người;
- + Tổng số người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý: 6 người chiếm 1,83%.
- Năm 2016:
- + Tổng số cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai: 19/19 đơn vị;
- + Tổng số người phải kê khai: 305 người;
- + Tổng số người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý: 6 người chiếm 1,97%.
- Năm 2017:
- + Tổng số cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai: 19/19 đơn vị;
- + Tổng số người phải kê khai: 320 người;
- + Tổng số người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý: 5 chiếm 1,57%.
- Năm 2018:
- + Tổng số cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai: 17/17 đơn vị;
- + Tổng số người phải kê khai: 298 người;
- + Tổng số người kê khai thuộc diện cấp ủy quản lý: 3 chiếm 1,00%.

## **2.2. Kết quả công khai bản kê khai và giải trình việc kê khai**

- Năm 2014:
- + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết: 185 bản;
- + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuối họp: 158 bản;
- + Số bản kê khai chưa được công khai: 0 bản;
- + Số người được yêu cầu giải trình rõ việc kê khai tài sản, thu nhập: 0.
- Năm 2015:
- + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết: 272 bản;
- + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuối họp: 56 bản;
- + Số bản kê khai chưa được công khai: 0 bản;
- + Số người được yêu cầu giải trình rõ việc kê khai tài sản, thu nhập: 0.
- Năm 2016:

- + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết: 257 bản;
  - + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuối  
họp: 48 bản;
  - + Số bản kê khai chưa được công khai: 0 bản;
  - + Số người được yêu cầu giải trình rõ việc kê khai tài sản, thu nhập: 0.
  - Năm 2017:
    - + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết: 266 bản;
    - + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuối  
họp: 54 bản;
    - + Số bản kê khai chưa được công khai: 0 bản;
    - + Số người được yêu cầu giải trình rõ việc kê khai tài sản, thu nhập: 0.
  - Năm 2018:
    - + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức niêm yết: 267 bản;
    - + Số bản kê khai được công khai bằng hình thức công bố tại cuối  
họp: 31 bản;
    - + Số bản kê khai chưa được công khai: 0 bản;
    - + Số người được yêu cầu giải trình rõ việc kê khai tài sản, thu nhập: 0;
- (Chi tiết tại Phụ lục 02).*

### **2.3. Kết quả thanh tra, kiểm tra, xác minh việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản**

Các cấp ủy đảng, các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, xác minh việc kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản theo các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt những trường hợp có đơn, thư tố cáo có liên quan đến việc bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại hoặc phát hiện người thuộc diện phải kê khai tài sản có hành vi tham nhũng đã được đơn vị thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo phân cấp quản lý cán bộ.

Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc kê khai tài sản từ năm 2014 - 2018, cụ thể như sau:

- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch là 17 cuộc;
- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đột xuất là 0 cuộc;
- Tổng số cơ quan, đơn vị được thanh tra, kiểm tra 17 đơn vị;
- Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận 5 cuộc;

Tổng số cơ quan, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình, kế hoạch; chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch là 7 đơn vị;

Tổng số cơ quan, đơn vị đã kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh là 8 đơn vị;

Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của pháp luật là 0 người;

*(Chi tiết tại Phụ lục 04B).*

#### **2.4. Việc xử lý các vi phạm đối với các cá nhân, tập thể**

Đến thời điểm hiện nay, chưa phát hiện trường hợp sai phạm trong công tác kê khai tài sản đến mức phải bị xử lý theo quy định.

*(Chi tiết tại Phụ lục 03).*

### **3. Công tác quản lý văn bản kiểm tra kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản**

Từ năm 2014 đến 2018, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 95/95 đơn vị thực hiện kê khai tài sản, thu nhập theo quy định với 1.594 người thuộc diện phải kê khai; không có trường hợp nào phải xác minh, giải trình, bị xử lý kỷ luật do vi phạm pháp luật về minh bạch tài sản, thu nhập theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng. Công tác kiểm tra, kiểm soát việc kê khai tài sản được thực hiện thường xuyên.

Kết quả kê khai cho thấy, các bản kê khai phản ánh đầy đủ, chi tiết những thay đổi so với thời gian trước đây. 100% cán bộ thuộc diện kê khai đều thực hiện kê khai đúng thời hạn; tài sản kê khai chủ yếu là nhà ở, đất đai đang sử dụng thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.

Qua rà soát, tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương sau khi công khai bằng các hình thức, không có đơn, thư phản ánh, khiếu nại về kết quả kê khai của các đối tượng thuộc diện kê khai.

### **III. Đánh giá những khó khăn, thuận lợi trong công tác kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản**

#### **1. Thuận lợi**

Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Luật phòng chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 78/2013/NĐ-CP, ngày 17-7-2013 của Chính phủ và Thông tư số 08/2013/TT-TTCP rõ ràng, cụ thể, thuận

lợi trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

## **2. Khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thực hiện**

Sở Nông nghiệp và PTNT gồm nhiều đơn vị trực thuộc (năm 2014 là 20 đơn vị, năm 2018 là 17 đơn vị) thực hiện việc kê khai; trong đó, một số đơn vị có địa bàn hoạt động rộng, trải dài trên 10 huyện/thành phố, có nhiều đối tượng có nghĩa vụ kê khai ở vùng sâu, vùng xa như: (Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật...) nên khó khăn cho tổ chức triển khai thực hiện.

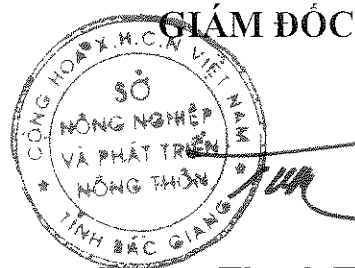
Trên đây là báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW, ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo Thanh tra tỉnh Bắc Giang theo quy định./.

**Nơi nhận:**

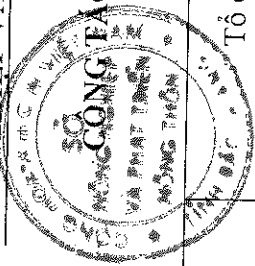
- Lưu VT, TCCB.

**Bản điện tử:**

- Thanh tra tỉnh;
- Giám đốc Sở.



**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BẮC GIANG**

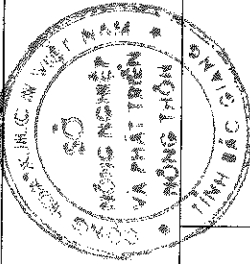


**PHỤ LỤC 01**

**TỔ CHỨC QUẢN TRỊỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 33**

Năm	Tổ chức quản trịệt, triển khai thực hiện Chỉ thị		Ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo		Ghi chú
	Số lượng các cuộc hội nghị, các lớp tập huấn ... được tổ chức	Số lượng cán bộ, đảng viên tham gia	Số lượng tài liệu ấn phẩm được phát hành	Số lượng văn bản do ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy thuộc Trung ương; văn bản do Tỉnh ủy, thành ủy và văn bản do cấp ủy cấp dưới trực tiếp ban hành để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện	
2014	1	2	3	4	5
2015	3	629	0	3	3
2016	1	615	0	2	2
2017	1	563	0	2	2
2018	0	538	0	2	2
Tổng số	0	495	0	1	2
	5	2840	0	10	11

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT BẮC GIANG**



**PHỤ LỤC 02**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN KÊ KHAI, CÔNG KHAI VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN**

Năm	Kết quả thực hiện kê khai							Kết quả việc thực hiện công khai				Ghi chú
	Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm tổ chức kê khai	Số người phải kê khai tài sản thu nhập trong năm	Số người đã kê khai	Số người chậm thực hiện kê khai	Số người được yêu cầu giải trình trong việc kê khai	Số người kê khai do cấp ủy quản lý	Số người công khai theo hình thức niêm yết	Số người công khai theo hình thức cuộc họp	Số người công khai theo hình thức khác	Số bản kê khai chưa được công khai		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
2014	20	343	343	0	0	6	185	158	0	0		
2015	20	328	328	0	0	6	272	56	0	0		
2016	19	305	305	0	0	6	257	48	0	0		
2017	19	320	320	0	0	5	266	54	0	0		
2018	17	298	298	0	0	3	267	31	0	0		
<b>Tổng số</b>	<b>95</b>	<b>1594</b>	<b>1594</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>26</b>	<b>1247</b>	<b>347</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		





PHỤ LỤC 04B

KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA TRÁCH NHIỆM VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN Ở ĐỊA PHƯƠNG

Năm	Số cuộc TT, KT		Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được TT, KT	Số cuộc TT, KT đã triển khai	Số cuộc thanh tra, kiểm tra đã có kết luận	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã kết luận có vi phạm		Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị đã xử lý trách nhiệm do vi phạm quy định về kê khai, công khai, quản lý, sử dụng Bản kê khai, xác minh, trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý theo quy định của PL	Ghi chú
	Số cuộc TT, KT theo kế hoạch	Số cuộc TT, KT đột xuất				Số cơ quan, tổ chức, đơn vị phạm, thiếu sót trong việc: Xây dựng chương trình, kế hoạch; Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị phạm, thiếu sót trong việc: Tổ chức kê khai, công khai, quản lý, lưu giữ, khai thác, sử dụng Bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai do mình quản lý; tổ chức việc xác minh theo quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; kết luận và công khai kết luận xác minh		
2014	1	0	1	1	1	1	1	0	Cuộc thanh tra lồng ghép về trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện chức năng QLNN, giải quyết KNTC và thực hiện Luật PCTN tại BQL rừng phòng hộ Sơn Động
2015	1	0	1	1	1	1	1	0	Cuộc thanh tra lồng ghép về trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện chức năng QLNN, giải quyết KNTC và thực hiện Luật PCTN tại Chi cục Quản lý Chất lượng NLS và TS



2016	5	0	5	1	2(Chưa cụ thể hóa kế hoạch 375/KH-SNN để triển khai tại đơn vị; chưa xây dựng kế hoạch PCTN tại đơn vị	1 (bản kê khai của một số đối tượng có nghĩa vụ kê khai điền chưa đầy đủ thông tin theo hướng dẫn)	0	- 01 Cuộc thanh tra lồng ghép về trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện chức năng QLNN, giải quyết KNCTC và thực hiện Luật PCTN tại BQL Dự án đi dân TĐC Trường bản TBI - 04 cuộc kiểm tra về thực hiện công tác PCTN
2017	6	0	6	1	1(Kế hoạch PCTN mà đơn vị xây dựng chưa nêu được căn cứ ban hành, phân tuyến truyền chưa nêu được văn bản để tuyên truyền chi nêu chung)	1 ( một số nội dung công khai thông qua cuộc họp, hội nghị chưa có biên bản hoặc ghi số nghị quyết)	0	- 01 Cuộc thanh tra lồng ghép về trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện chức năng QLNN, giải quyết KNCTC và PCTN tại Chi cục Thủy sản - 05 cuộc kiểm tra lồng ghép công tác PCTN, thực hành tiết kiệm chống lãng phí
2018	4	0	4	1	2 (Chương trình PCTN mà đơn vị xây dựng chưa nêu được một số văn bản triển khai cụ thể của cấp trên; các biện pháp phòng ngừa đơn vị chưa nêu được nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý; còn 01 đơn vị chưa xây dựng văn bản triển khai về PCTN)	4 (lập biên bản niêm yết công khai bản kê khai còn lẫn với việc công khai trong cuộc họp; một số người kê khai còn chưa theo mẫu, thông tin chưa đầy đủ theo hướng dẫn tại TT số 08/2013/TT-TTCP)	0	- 01 Cuộc thanh tra lồng ghép về trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ QLNN, giải quyết KNCTC và PCTN tại Chi cục CN và TY - 03 cuộc kiểm tra lồng ghép về thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở
<b>Tổng cộng</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>17</b>	<b>5</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	